

Số: 68/QĐ-379-MECO

Bắc Giang, ngày 09 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
về việc phê duyệt thiết kế BVTC công trình Khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ 379

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quản lý và thực hiện dự án khu đô thị, khu dân cư nông thôn mới không sử dụng vốn nhà nước thông qua hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 22/7/2019;

Căn cứ Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang;

Căn cứ thông báo số 2600/SXD-PTĐT&HTKT ngày 6/11/2020 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế BVTC xây dựng công trình Khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang ;

Xét theo đề nghị của trưởng phòng kỹ thuật Công ty cổ phần Đầu tư 379 về việc phê duyệt thiết kế BVTC công trình Khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế BVTC công trình: Khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang với nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang.
2. Thuộc dự án: Khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang.

3. Loại, cấp công trình:
 - Công trình giao thông (đường trong đô thị), cấp III;
 - Công trình hạ tầng kỹ thuật (san nền, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, công viên cây xanh); cấp II;
 - Công trình công nghiệp (đường dây và trạm biến áp), cấp IV.
4. Chủ đầu tư: Liên danh Công ty cổ phần đầu tư 379 và Công ty cổ phần-Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long.
5. Nguồn vốn: Vốn của chủ đầu tư và các nguồn vốn hợp lệ khác.
6. Địa điểm xây dựng: Phường Dĩnh Kế và xã Tân Tiến thành phố Bắc Giang.
7. Nhà thầu khảo sát, lập thiết kế BVTC xây dựng công trình: Trung tâm quy hoạch xây dựng Bắc Giang.
8. Nhà thầu tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế BVTC xây dựng công trình: Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng.
9. Quy mô và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:
 - 9.1. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng: Xây dựng mới hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình hạ tầng xã hội (khuôn viên cây xanh, kè hồ, bãi đỗ xe, ga trung chuyển rác) trong ranh giới dự án với diện tích 43,67 ha và thực hiện đấu nối với hạ tầng kỹ thuật hiện trạng của các khu vực lân cận dự án.
 - * Một số tiêu chuẩn, quy chuẩn chính áp dụng.
 - QCVN: 07/2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình hạ tầng kỹ thuật;
 - QCVN: 41: 2019/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;
 - Công tác đất – Quy chuẩn thi công và nghiệm thu TCVN 4447: 2012;
 - Nền đường ô tô TCVN 4054-2005;
 - Thiết kế đường giao thông đô thị TCXDVN 104-2007;
 - Thiết kế đường mềm 22 TCN 211-2006;
 - Lốp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu đường ô tô – Vật liệu thi công và nghiệm thu TCVN 8859-2011;
 - Mặt đường bê tông nhựa nóng – Quy trình thi công và nghiệm thu TCVN 8819-2011;
 - Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài TCVN 7957:2008;
 - Ống bê tông cốt thép thoát nước TCVN 9113:2012;
 - Cống hộp bê tông cốt thép TCVN 9116:2012;
 - Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật đô thị TCXDVN 333:2005;
 - Cống, bể, hầm, hố, rãnh kỹ thuật và tủ đấu cáp viễn thông- Yêu cầu kỹ thuật TCVN 8700: 2011;
 - Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị TCVN 9257: 2012;
 - Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.
 - 9.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

9.2.1. San nền:

San nền trong các lô đất xây dựng công trình, cao độ san nền tuân thủ quy hoạch chi tiết, kết nối phù hợp với các khu vực lân cận. San nền theo phương pháp đường đồng mức thiết kế, độ dốc san nền đảm bảo thoát nước tự chảy với hướng dốc về phía các tuyến đường giao thông bao quanh lô đất. Vật liệu san nền bằng đất cấp III, đắp đất theo từng lớp và lu lèn đạt độ chặt yêu cầu $K > 0,85$; ngoài ra tận dụng đất dư thừa (đất màu, đất hữu cơ không lẫn cỏ, rác; đất cấp 2, 3) từ công tác đào nền của các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khác để đắp.

9.2.2. Giao thông:

a) *Thiết kế bình đồ*: Xây dựng hệ thống các tuyến đường trong khu vực dự án gồm các tuyến đường với quy mô mặt cắt ngang, hướng tuyến tuân thủ theo quy hoạch chi tiết được duyệt;

b) *Thiết kế trắc dọc*: Cao độ tìm đường thiết kế tuân thủ theo cao độ khống chế trong quy hoạch, đầu nối phù hợp với các tuyến đường hiện trạng trong khu vực và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật cấp đường thiết kế;

c) *Thiết kế trắc ngang*: Các tuyến đường giao thông trong dự án được thiết kế với quy mô mặt cắt ngang đường đô thị hoàn chỉnh.

Thiết kế 10 loại mặt cắt ngang, cụ thể:

STT	Tên mặt cắt	Bề rộng mặt đường (m)	Bề rộng hè đường (m)	Bề rộng dải phân cách giữa (m)	Bề rộng nền đường (m)
1	1-1	2x10,5	2x7,5	12	48
2	2-2	2x10,5	2x9	3	42
3	5-5	2x7,5	2x6	3	30
4	6-6	10,5	2x5	-	20,5
5	7-7	7,5	2x5	-	17,5
6	8-8	7,5	2x4,5	-	16,5
7	8A-8A	7,5	4,5+1,5	-	13,5
8	9-9	5,5	2x4	-	13,5
9	9A-9A	5,5	3+4	-	12,5
10	9B-9B	5,5	1,5+4	-	11

* Ghi chú: Mặt cắt 1-1 là tuyến đường tỉnh 293, chỉ đầu tư phần vỉa hè rộng 7,5m bên phía dự án. Mặt cắt 2-2 là tuyến đường dẫn lên cầu Đồng Sơn, chỉ đầu tư phần vỉa hè rộng 9m bên phía dự án. Mặt đường dốc ngang 2 mái $i_m = 2\%$; hè đường dốc ngang về phía mặt đường, $i = 1,5\%$.

d) Nền, mặt đường

- Nền đường: Nền đường chủ yếu là nền đắp; trước khi đắp tiến hành vét hữu cơ đối với đoạn qua ao, ruộng với chiều dày trung bình 50cm; vật liệu đắp nền đường sử

dụng đất cấp phối đồi. Trong phạm vi 50cm (đối với kết cấu mặt đường loại 2, loại 3) hoặc 30cm (đối với kết cấu mặt đường loại 1) dưới đáy kết cấu áo đường đầm chặt đạt $K \geq 0,98$, phía dưới lu lèn đảm bảo độ chặt đạt $K \geq 0,95$. Đối với đoạn nền đắp qua vùng đất yếu sẽ tiến hành xử lý bằng giải pháp đào thay đất một phần (chiều sâu lớp đất đào bỏ tùy từng vị trí), sau đó rải vải địa kỹ thuật không dệt 12kN/m và đắp hoàn trả bằng cát hạt nhỏ, lu lèn đạt độ chặt yêu cầu $K \geq 0,90$.

- Mặt đường thiết kế gồm 3 loại sử dụng kết cấu mặt đường mềm cấp cao A1 (theo tiêu chuẩn 22TCN211-06):

+ Kết cấu loại 1 ($E_{yc} \geq 155\text{MPa}$, áp dụng cho tuyến số 28, đường trục chính khu đô thị có mặt cắt 5-5) gồm các lớp từ trên xuống dưới như sau: Bê tông nhựa chặt 12,5 dày 5cm (hàm lượng nhựa 5%); nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m²; bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm (hàm lượng nhựa 4,5%); nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m²; cấp phối đá dăm loại 1 dày 17cm; cấp phối đá dăm loại 2 dày 34cm;

+ Kết cấu loại 2 ($E_{yc} \geq 120\text{MPa}$, áp dụng cho tuyến đường khu vực có mặt cắt 6-6 và tuyến số 9 có mặt cắt 5-5) gồm các lớp từ trên xuống dưới như sau: Bê tông nhựa chặt 12,5 dày 4cm (hàm lượng nhựa 5%); nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m²; bê tông nhựa chặt 19 dày 6cm (hàm lượng nhựa 4,5%); nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m²; cấp phối đá dăm loại 1 dày 16cm; cấp phối đá dăm loại 2 dày 17cm;

+ Kết cấu loại 3 ($E_{yc} \geq 100\text{MPa}$, áp dụng cho tuyến đường nội bộ) gồm các lớp từ trên xuống dưới như sau: Bê tông nhựa chặt 12,5 dày 7cm (hàm lượng nhựa 5%); nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m²; cấp phối đá dăm loại 1 dày 16cm; cấp phối đá dăm loại 2 dày 17cm.

e) Hệ đường, rãnh biên

- Hệ đường:

+ Vía hè thiết kế lát gạch bê tông tự chèn giả đá kích thước 30x30x4,5cm, phía dưới lớp móng lót cát tạo phẳng dày 5cm (áp dụng đối với khu vực vỉa hè trước khu vực quy hoạch dân cư mới) hoặc lớp móng đổ BTXM tại chỗ mác 150 dày 10cm (áp dụng đối với vỉa hè xung quanh khu vực quy hoạch công trình công cộng, vỉa hè khu vực dân cư hiện trạng); vỉa hè tuyến đường tỉnh 293, đường dẫn lên cầu Đồng Sơn thiết kế lát đá tự nhiên, phía dưới lớp móng đổ BTXM tại chỗ mác 150 dày 10cm;

+ Bó vỉa hè đường sử dụng viên vỉa vát bê tông đúc sẵn mác 200, kích thước 26x23cm; bó vỉa dải phân cách sử dụng viên vỉa bê tông đúc sẵn mác 200 kích thước 18x53cm; móng bó vỉa BTXM tại chỗ mác 150 dày 10cm. Trồng cây xanh đô thị dọc theo vỉa hè của các tuyến đường, khoảng cách giữa các cây trung bình 7 ÷ 10m/cây (vị trí trồng cây ở giữa hai căn nhà liền kề). Hồ trồng cây kích thước lòng trong 1,2mx1,2m; kết cấu hồ xây gạch đất sét nung kích thước 22x10,5x6cm, vữa XM mác 75 dày 2cm, miết mạch tạo kiến trúc, phía dưới đệm bê tông lót mác 150, dày 5cm. Thiết kế hạ hè ở các vị trí qua đường dành cho người khuyết tật tuân thủ Quy chuẩn QCVN 10:2014/BXD;

+ Bó vỉa hè đường tuyến đường tỉnh 293, đường dẫn lên cầu Đồng Sơn thiết kế đá tự nhiên sử dụng viên vỉa vát, kích thước 18x26cm; móng bó vỉa BTXM đổ tại chỗ mác 150 dày 10cm. Hồ trồng cây kích thước lòng trong 1,2mx1,2m; kết cấu hồ xây đá kích thước 15x10cm, vữa XM mác 75 dày 2cm, phía dưới đệm bê tông lót mác 150,

dày 10cm. Thiết kế hạ hè ở các vị trí qua đường dành cho người khuyết tật tuân thủ Quy chuẩn QCVN 10:2014/BXD.

- Rãnh biên: Rãnh biên đổ bê tông tại chỗ mác 200 dày trung bình theo kết cấu bê tông nhựa mặt đường, hướng dốc tụ thủy về các hố ga thu nước mưa. Rãnh biên tuyến đường tỉnh 293, đường dẫn lên cầu Đồng Sơn: Thiết kế lát đá tự nhiên kích thước 30x50x4cm, vữa XM mác 75 dày 2cm, phía dưới đệm bê tông lót mác 150, dày 7cm.

f) *Tổ chức giao thông*: Thiết kế tổ chức giao thông theo hình thức tự điều khiển bằng hệ thống các vạch sơn, biển báo tại tất cả các tuyến đường và các nút giao thông của dự án tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

9.2.3. Cấp nước và PCCC

- Nguồn nước cấp cho khu vực dự án được lấy từ đường ống cấp nước sạch D315 nằm trên vỉa hè đường tỉnh 293 và đường ống D200 nằm trên đường Nguyễn Thị Minh Khai kéo dài do Công ty cổ phần nước sạch Bắc Giang quản lý; đường ống phân phối sử dụng ống HDPE D110, D160; nước sinh hoạt được cấp cho các điểm tiêu thụ qua tuyến ống dịch vụ là ống HDPE D75, D63; ống được chôn ngầm dưới vỉa hè, chiều sâu chôn ống tối thiểu $h=0,4m$ (đối với ống D75, D63), $h=0,7m$ (đối với ống D110, D160), các đoạn ống phân phối qua đường được luồn trong ống thép bảo vệ; xung quanh ống đắp cát đen đầm chặt K90 (tuyến ống trên vỉa hè), K95 (tuyến ống đi qua đường);

- Cấp nước chữa cháy: Hạng cấp nước cứu hỏa được đấu nối vào mạng lưới cấp nước phân phối HDPE D110, D160. Các hạng cứu hỏa được bố trí trên phần hè của các tuyến đường, khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa trung bình 100m-120m.

9.2.4. Thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải được thiết kế riêng biệt. Nước mưa được thu về phía các giếng thu và chảy vào hệ thống cống tròn BTCT đặt ngầm dưới hè đường; hệ thống giếng thu nước được bố trí cách nhau trung bình khoảng 30m/giếng, độ dốc thoát nước tối thiểu 1/D. Đường ống thoát nước mưa sử dụng cống tròn BTCT đúc sẵn đường kính từ D400 đến D1800; hướng thoát nước của dự án tập trung về hệ thống cống hộp thoát nước chính của khu vực nằm trên tuyến đường dẫn lên cầu Đồng Sơn.

- Kết cấu cống tròn sử dụng ống BTCT ly tâm đúc sẵn, độ dốc thoát nước tối thiểu $i=1/D$. Gối đỡ cống bằng BTCT đúc sẵn mác 200, phía dưới gối đỡ cống qua đường đệm đá dăm dày 10cm.

- Hố thu nước một bên nằm dưới rãnh biên, kết cấu BTCT dày 15cm mác 250, phía dưới đáy đệm đá dăm dày 10cm.

- Kích thước hố ga thiết kế tuân thủ Quy chuẩn QCVN 07-2:2016/BXD. Kết cấu hố ga gồm 2 loại:

+ Loại 1 đối với các hố ga có chiều sâu $H \leq 1,7m$: Tường hố ga xây gạch BTKN mác 100, vữa XM mác 75, hoàn thiện trát vữa XM mác 75 dày 1,5cm; đáy hố ga đổ bê tông mác 200 dày 20cm, phía dưới đệm đá dăm dày 10cm;

+ Loại 2 đối với các hố ga có chiều sâu $H > 1,7m$: Tường hố ga đổ BTCT mác

200 dày 20cm; đáy hố ga đổ bê tông mác 200 dày 20cm, phía dưới đệm đá dăm dày 10cm. Ga dưới đường kết cấu BTCT mác 250 dày 25cm, đáy đệm đá dăm 10cm.

9.2.5. Thoát nước thải

- Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trước khi thoát vào hệ thống ống tròn HDPE chạy dọc sau nhà đường kính D300, sau đó được thu gom bằng hệ thống ống tròn HDPE D300, D400, D800 trên hè đường; hướng thoát nước thải của dự án về phía trạm bơm áp lực công suất $400\text{m}^3/\text{h}$ đặt tại lô B-CC-1, sau đó bơm thoát về trạm xử lý nước thải Tân Tiến công suất $10.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Ống thoát nước thải sử dụng loại ống HDPE 2 lớp.

- Hố ga nước thải gồm 2 loại:

+ Loại 1 đối với các hố ga có chiều sâu $H \leq 1,7\text{m}$: Tường hố ga xây gạch BTKN mác 100, vữa XM mác 75, hoàn thiện trát vữa XM mác 75 dày 1,5cm; đáy hố ga đổ bê tông mác 200 dày 20cm, phía dưới đệm đá dăm dày 10cm;

+ Loại 2 đối với các hố ga có chiều sâu $H > 1,7\text{m}$: Tường hố ga kết cấu BTCT mác 200 dày 20cm; đáy hố ga đổ bê tông mác 200 dày 20cm, phía dưới đệm đá dăm dày 10cm.

9.2.6. Cấp điện và chiếu sáng

- Nguồn điện cấp cho các trạm biến áp thuộc dự án được lấy từ đường dây trung thế 22kV lộ 483 và lộ 474 trạm 110kV Đồi Cốc.

- Điện trung thế:

+ Phần dịch chuyển: Dịch chuyển hạ ngầm đường dây nhánh Xuân Phong lộ 483-E7.1. Các cột điện tháo dỡ gồm cột số 9 đến số 13 nhánh Xuân Phong đường dây 483 E7.1, cột số 1, 2 nhánh Xuân Phong 2 đường dây 483 E7.1, cột số 1, 2 nhánh Chùa Xuân Phong đường dây 483 E7.1, tháo dỡ tuyến dây dẫn trên cột chiều dài khoảng 650m. Dịch chuyển trạm biến áp Xuân Phong hiện trạng (công suất 320kVA, kiểu trạm trệt nửa kín) sang vị trí mới;

+ Phần xây dựng mới: Điểm đầu nối tại ngăn cầu dao phụ tải dự phòng của tủ RMU TBA S7.K2.NTP lộ 474 và ngăn cầu dao phụ tải của tủ RMU lắp đặt gần cột số 8 nhánh Xuân Phong. Dây dẫn đến các trạm biến áp sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-24kV-3x(1x240) mm^2 . Xây dựng mới 8 trạm biến áp với công suất như sau: Trạm TBA-T1: 2x630kVA-22/0,4kV, TBA-T2: 1x320kVA-22/0,4kV, TBA-T3: 1x560kVA-22/0,4kV, TBA-T6: 1x560kVA-22/0,4kV, TBA-T8: 1x560kVA-22/0,4kV, TBA-T10: 2x400kVA-22/0,4kV, TBA-T12: 2x560kVA-22/0,4kV, TBA-T13: 1x400kVA-22/0,4kV.

- Điện hạ thế 0,4kV:

+ Phần dịch chuyển: Dịch chuyển đường dây hạ áp sau TBA Xuân Phong (cột số XT/I-II-III/XP, cột số 1-III/XP), TBA Chùa Xuân Phong (cột 8-II/CXP lộ II) và TBA thôn Luồng (cột 20C-I/TL, 20E-I/TL lộ I). Thay thế các hộp công tơ tại các cột dịch chuyển bằng các hộp công tơ mới treo tại các cột sau dịch chuyển;

+ Phần xây dựng mới: Xây dựng các lộ xuất tuyến hạ thế từ 8 trạm biến áp về các tủ công tơ, dây dẫn các lộ sử dụng cáp ngầm loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-0,6/1kV có tiết diện 3x185+1x120 mm^2 , 3x150+1x120 mm^2 , 3x120+1x95 mm^2 , 3x95+1x70 mm^2 , 3x70+1x50 mm^2 , 3x50+1x35 mm^2 đi ngầm dưới vỉa hè trong các ống

nhựa xoắn HDPE, qua đường dùng ống nhựa chịu lực; hệ thống tủ công tơ lắp đặt trên vỉa hè các tuyến đường giao thông.

- Chiều sáng các tuyến đường giao thông dùng các loại đèn Led công suất 100W, 150W. Đèn được lắp trên các cột cần đơn H=7m, H=8m, H=11m, được bố trí dọc theo vỉa hè của đường với khoảng cách trung bình giữa các đèn là 30m/cột. Cấp điện từ tủ chiếu sáng đến cột đèn dùng loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC có tiết diện $3 \times 16 + 1 \times 10 \text{ mm}^2$.

9.2.7. Thông tin liên lạc

- Thiết kế các ống luồn cáp, bể cáp chờ sẵn để phục vụ cho các đơn vị cung cấp dịch vụ thông tin trong tương lai. Tuyến ống được hạ ngầm, sử dụng loại ống nhựa uPVC; độ sâu chôn ống trên vỉa hè tối thiểu 0,5m, qua đường tối thiểu 0,7m.

- Bố trí các bể cáp với khoảng cách trung bình $40\text{m} \div 50\text{m}/1\text{bể}$. Kết cấu bể cáp xây gạch BTKN mác 100, vữa XM mác 50, hoàn thiện trát vữa XM mác 75 dày 1,5cm; đáy bể cáp đổ bê tông lót mác 150 dày 10cm; nắp bể cáp đặt tấm đan BTCT mác 200 dày 10cm. Các hố ganivo bố trí với khoảng cách trung bình $7\text{m} \div 10\text{m}/1\text{hố}$.

9.2.8. Khuôn viên cây xanh

Thiết kế các khu khuôn viên cây xanh xen kẽ các khu đất ở để tăng cường cảnh quan đô thị. Các khuôn viên bao gồm hệ thống đường dạo bao quanh các ô đất được thảm cỏ và trồng các cây bụi, cây hoa, cây bóng mát; kết cấu đường dạo lát gạch bê tông giả đá kích thước $30 \times 30 \times 4,5\text{cm}$ trên lớp bê tông lót mác 150 dày 15cm. Đầu tư xây dựng kè hồ tại hồ cảnh quan phía trước thôn Xuân A-CX-2 và hồ cảnh quan tại khuôn viên cây xanh A-CX-1.

9.2.9. Bãi đỗ xe, ga trung chuyển rác

Xây dựng các bãi đỗ xe, ga trung chuyển rác tuân thủ theo quy hoạch chi tiết được duyệt. Kết cấu sân bãi đỗ BTXM mác 250 dày 20cm, phía dưới lớp móng cấp phối đá dăm loại 2 dày 15cm.

10. Các nội dung khác: Theo thông báo kết quả thẩm định số 2600/SXD-PTĐT&HTKT ngày 6/11/2020 của Sở Xây dựng và hồ sơ thiết kế BVTC đã được thẩm định.

Điều 2. Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng Công ty Cơ khí xây dựng Thăng Long có trách nhiệm tổ chức thực hiện đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị liên quan: Phòng chuyên môn nghiệp vụ trực thuộc Liên danh nhà đầu tư; các nhà thầu và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban QLDA ĐTXD các CTGT (p/hợp);
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN TUYẾN

